**PHỤ LỤC 1: THÔNG TIN CHUNG**

*(Kèm theo Công văn ngày 26 tháng 9 năm 2025 của*

*Trung tâm Công nghệ thông tin)*

1. **Tên sản phẩm:** Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực xây dựng, giao thông vận tải thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp xã, phường theo mô hình tập trung.
2. **Căn cứ pháp lý:**

Căn cứ Quyết định số 2618/QĐ-BKHCN ngày 11/9/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Danh mục và kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng;

Căn cứ Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Quy định số 05-QĐ/BCĐTW ngày 27/8/2025 của Ban chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về mô hình liên thông số thống nhất, hiệu quả và quản trị dựa trên dữ liệu trong hệ thống chính trị;

Căn cứ Thông báo số 35-TB/TGV ngày 11/7/2025 của Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương thông báo kết luận cuộc họp của Lãnh đạo Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, với Thường trực Tổ giúp việc và các cơ quan có liên quan về tình hình thực hiện kế hoạch số 02-KH/BCĐTW và một số nhiệm vụ trọng tâm.

1. **Mô tả sơ bộ về sản phẩm:**

**-** Triển khai thông tin giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực xây dựng, giao thông vận tải thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp xã, phường theo mô hình tập trung trên toàn quốc từ ngày 01/01/2026 theo đúng chỉ đạo của Ban chỉ đạo Trung ương. Sau khi đưa vào sử dụng tiếp tục phối hợp với các bộ, ngành và Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố kết nối Hệ thống với các cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương để thực hiện tái cấu trúc thủ tục hành chính theo nguyên tắc cắt giảm thành phần hồ sơ phải nộp hoặc xuất trình dựa trên dữ liệu đã có.

- Hình thành dữ liệu quản lý chuyên ngành thông qua giải quyết thủ tục hành chính, bảo đảm các dữ liệu đáp ứng yêu cầu “đúng, đủ, sạch, sống” và triển khai thống nhất, dùng chung trên phạm vi toàn quốc.

1. **Quy mô triển khai**

Tại Bộ Xây dựng, các tỉnh/thành phố, xã/phường.

Xây dựng hệ thống giải quyết thủ tục hành chính cho 280 thủ tục tại địa
phương (trong đó cấp tỉnh 239 thủ tục, cấp xã, phường 41 thủ tục, bao gồm cảtiếp nhận hồ sơ trực tiếp và hồ sơ trực tuyến)

1. **Mục tiêu**

- Triển khai xây dựng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính các lĩnh vực xây dựng, giao thông vận tải thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp xã, phường theo mô hình tập trung.

- Hệ thống được xây dựng đảm bảo: các tính năng, chức năng và an toàn an ninh mạng theo quy định đối với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; các hướng dẫn về nghiệp vụ của Văn phòng Chính phủ, Cơ quan ban hành thủ tục hành chính; kết nối, liên thông với Cổng Dịch vụ công Quốc gia và các nền tảng số khác của Chính phủ, cơ quan có liên quan.

- Đảm bảo việc giám sát, đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, đồng thời hỗ trợ công tác quản lý, điều hành của Bộ Xây dựng và các địa phương.

1. **Yêu cầu đối với đơn vị thử nghiệm**

- Trong giai đoạn thử nghiệm, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính các lĩnh vực xây dựng, giao thông vận tải thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp xã, phường theo mô hình tập trung sẽ được triển khai trên hạ tầng của đơn vị thử nghiệm. Hạ tầng đơn vị thử nghiệm cần đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ để kết nối với các hệ thống quốc gia theo đúng quy định.

- Đơn vị tham gia thử nghiệm cam kết chịu hoàn toàn các chi phí liên quan đến hạ tầng, an toàn thông tin, chi phí nhân công để xây dựng phát triển sản phẩm/ dịch vụ CNTT, chi phí vận hành và các chi phí khác (nếu có) trong suốt thời gian thử nghiệm.

- Toàn bộ dữ liệu phát sinh trong quá trình vận hành thử nghiệm thuộc sở hữu của Bộ Xây dựng và Đơn vị tham gia thử nghiệm phải bàn giao lại cho Bộ Xây dựng; Đơn vị tham gia thử nghiệm không được phát tán, khai thác sử dụng dữ liệu trên hệ thống và đảm bảo bí mật thông tin theo quy định của Luật dữ liệu năm 2024 và các văn bản pháp lý có liên quan về dữ liệu.

**PHỤ LỤC 2: TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THỬ NGHIỆM**

*(Kèm theo Công văn ngày 26 tháng 7 năm 2025 của*

*Trung tâm Công nghệ thông tin)*

**I. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC KINH NGHIỆM**

| **TT** | **Tiêu chuẩn đánh giá** | **Yêu cầu chi tiết** | **Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt** |
| --- | --- | --- | --- |
|
| **1** | **Hồ sơ năng lực**  | Cung cấp hồ sơ giới thiệu năng lực, các điều kiện về hoạt động kinh doanh theo lĩnh vực công nghệ thông tin  | Đạt |
| Không cung cấp  | Không đạt |
| **2** | **Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế** | Cam kết và cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm thử nghiệm. | Đạt |
| Không có cam kết và không cung cấp tài liệu chứng minh | Không đạt |
| **3** | **Năng lực tài chính** |  |  |
| **3.1** | **Kết quả hoạt động tài chính** | Giá trị tài sản ròng của đơn vị trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm thử nghiệm phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ).Cung cấp tài liệu chứng minh. | Đạt |
| Không cung cấp tài liệu chứng minh | Không đạt |
| **3.2** | **Năng lực tài chính khi tham gia thử nghiệm** | Đơn vị tham gia thử nghiệm cam kết chịu hoàn toàn các chi phí liên quan đến hạ tầng, an toàn thông tin, chi phí nhân công để xây dựng phát triển sản phẩm CNTT, chi phí vận hành và các chi phí khác (nếu có) trong suốt thời gian thử nghiệm. | Đạt |
| Không có cam kết | Không đạt |
| **4** | **Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự** | Đã có kinh nghiệm cung cấp, triển khai dự án, sản phẩm CNTT có quy mô quốc gia (ưu tiên có kinh nghiệm triển khai hệ thống giải quyết TTHC quy mô từ trung ương đến địa phương) ; có kinh nghiệm về chia sẻ dữ liệu dùng chung tích hợp với các hệ thống của Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (Đơn vị tham gia thử nghiệm cung cấp các tài liệu kèm theo sau: Hợp đồng hoặc Bảng xác định giá trị khối lượng công việc đã hoàn thành của Chủ đầu tư). | Đạt |
| Không cung cấp tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |

**II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NHÂN SỰ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Vị trí công việc** | **Số lượng** | **Kinh nghiệm trong các công việc tương tự** | **Chứng chỉ/ trình độ chuyên môn** |
| 1 | Quản lý dự án/ quản trị dự án | 01 nhân sự | Có kinh nghiệm tối thiểu 06 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng tương tự | Trình độ học vấn: có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành CNTT |
| 2 | Trưởng nhóm giải pháp, phân tích nghiệp vụ | 01 nhân sự | Có kinh nghiệm tối thiểu 03 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng tương tự | Trình độ học vấn: có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành CNTT |
| 3 | Trưởng nhóm xây dựng, phát triển phần mềm | 01 nhân sự | Có kinh nghiệm tối thiểu 03 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng tương tự | Trình độ học vấn: có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành CNTT |
| 4 | Trưởng nhóm kiểm thử | 01 nhân sự | Có kinh nghiệm tối thiểu 03 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng tương tự | Trình độ học vấn: có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành CNTT |
| 5 | Trưởng nhóm an toàn thông tin | 01 nhân sự | Có kinh nghiệm tối thiểu 03 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng tương tự | Trình độ học vấn: có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành CNTT |
| 6 | Trường nhóm cài đặt, cấu hình sản phẩm | 01 nhân sự | Có kinh nghiệm tối thiểu 03 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng tương tự | Trình độ học vấn: có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành CNTT |
| 7 | Trường nhóm triển khai | 01 nhân sự | Có kinh nghiệm tối thiểu 03 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng tương tự | Trình độ học vấn: có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành CNTT |

***Ghi chú:***Chuyên ngành CNTT được quy định theo các Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30/06/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin (gồm: (1). Các ngành đào tạo về công nghệ thông tin, bao gồm: Sư phạm tin học, toán ứng dụng, toán tin, đảm bảo toán học cho máy tính và hệ thống tính toán, điện tử và tin học, công nghệ truyền thông và các ngành thuộc nhóm ngành Máy tính và Công nghệ thông tin trong Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định (2). Các ngành gần đào tạo về công nghệ thông tin bao gồm: Điện tử - Viễn thông; Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông; Kỹ thuật điện tử; Kỹ thuật viễn thông; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông; Hệ thống thông tin quản lý; Kỹ thuật điện tử - viễn thông; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Cơ sở toán học cho tin học)*.*

*Tài liệu chứng minh kinh nghiệm triển khai: Hợp đồng (bản gốc hoặc bản chụp được công chứng/chứng thực hợp đồng (có danh sách nhân sự tham gia)) hoặc Bản xác nhận của Chủ đầu tư về vai trò, vi trí nhân sự tham gia thực hiện hợp đồng; Biên bản nghiệm thu/ thanh lý hợp đồng.*

**III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT**

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Hồ sơ đề xuất thử nghiệm được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

| **Tiêu chuẩn đánh giá** | **Yêu cầu chi tiết** | **Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt** |
| --- | --- | --- |
| **1. Hiểu rõ mục đích của thử nghiệm** |
| Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa | Đơn vị thử nghiệm hiểu rõ về mục tiêu và nhiệm vụ của việc thử nghiệm đã nêu trong yêu cầu về mặt kỹ thuật. | **Đạt** |
| Đơn vị thử nghiệm hiểu sơ sài/ không trình bày hiểu biết về mục tiêu và nhiệm vụ của việc thử nghiệm đã nêu trong yêu cầu về mặt kỹ thuật. | **Không đạt** |
| **2. Các yêu cầu kỹ thuật**  |
| Các yêu cầu kỹ thuật chi tiết của phần mềm, hạ tầng |  Đơn vị thử nghiệm có trình bày, thuyết minh đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu về kỹ thuật tại Phụ lục 3: Yêu cầu kỹ thuật sản phẩm CNTT thử nghiệm  | **Đạt** |
| Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nêu trên | **Không đạt** |
| **3. Mức độ đáp ứng về các giải pháp kết nối, chia sẻ dữ liệu** |
| Các yêu cầu về kết nối, chia sẻ dữ liệu | Đơn vị thử nghiệm có trình bày giải pháp, thuyết minh phương án kết nối của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính với các hệ thống khác (Cổng DVC quốc gia, Giám sát đánh giá đo lường – EMC; VNeID; phần mềm nghiệp vụ; các CSDL quốc gia, chuyên ngành; ....) để đánh giá khả năng sẵn sàng, đáp ứng của sản phẩm CNTT. | **Đạt** |
| Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nêu trên | **Không đạt** |
| **4. Hạ tầng Công nghệ Thông tin** |
| Yêu cầu hạ tầng công nghệ thông tin | - Đơn vị thử nghiệm trình bày, thuyết minh phương án tính toán hạ tầng cần thiết để phục vụ triển khai thử nghiệm- Đơn vị thử nghiệm có cam kết sẵn sàng cung cấp hạ tầng thiết bị CNTT; ATTT đảm bảo kết nối Đề án 06  | **Đạt** |
| Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nêu trên | **Không đạt** |
| **5. Kế hoạch, tiến độ** |
| Yêu cầu về tiến độ hoàn thiện | Đơn vị thử nghiệm có cam kết, thuyết minh tiến độ cung cấp sản phẩm CNTT đưa vào triển khai thử nghiệm từ 01/01/2026 | **Đạt** |
| Không đáp ứng yêu cầu trên | **Không đạt** |
| **Kết luận** | **Đạt/****Không đạt** |

**PHỤ LỤC 3: YÊU CẦU KỸ THUẬT SẢN PHẨM CNTT THỬ NGHIỆM**

*(Kèm theo Công văn ngày 26 tháng 9 năm 2025 của*

*Trung tâm Công nghệ thông tin)*

 **I. Phạm vi công việc**

* Triển khai thử nghiệm sản phẩm CNTT: Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực xây dựng, giao thông vận tải thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp xã, phường theo mô hình tập trung.
* Đảm bảo hạ tầng, ATTT phục vụ hệ thống thử nghiệm.
* Đào tạo, hướng dẫn sử dụng phục vụ thử nghiệm.
* Thời gian hoàn thành xây dựng sản phẩm thử nghiệm để bắt đầu đưa vào thí điểm trên thực tế: 01/01/2026.

 **II. Yêu cầu kỹ thuật**

1. **Danh mục các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng**

Hệ thống thông tin được xây dựng phải đảm bảo tuân thủ danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước và các tiêu chuẩn dữ liệu, an toàn theo quy định hiện hành. Đồng thời tuân thủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và Khung kiến trúc Chính phủ số Việt Nam và Kiến trúc Chính phủ số Bộ Xây dựng.

1. **Yêu cầu về phương án tích hợp**

Đơn vị thử nghiệm phải trình bày, mô tả phương án tích hợp, cam kết Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính sẵn sàng kết nối và chia sẻ dữ liệu với các hệ thống khác:

* Thực hiện triển khai tích hợp các hệ thống thông tin của Bộ Xây dựng, Cổng Dịch vụ công quốc gia, các cơ sở dữ liệu quốc gia, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các bộ, ban, ngành khác (nếu có) và Đề án 06.
* Áp dụng chuẩn dữ liệu thống nhất, tuân thủ theo tiêu chuẩn quốc gia và Luật Dữ liệu.
* Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành được được thực hiện theo các quy định pháp luật về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.
1. **Các Quy trình nghiệp vụ**
	1. **Quy trình nghiệp vụ chung**

| **Bước** | **Diễn giải bước thực hiện** |
| --- | --- |
|  | Công dân/ Doanh nghiệp vào Cổng Dịch vụ công quốc gia. Thực hiện chọn thủ tục, nơi nộp hồ sơ, nhập đầy đủ các thông tin cần thiết và nộp hồ sơ.  |
|  | Cán bộ Bộ phận Tiếp nhận (TN&TKQ) kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. * Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ chuyển yêu cầu bổ sung hồ sơ
* Trường hợp hồ sơ hợp lệ chuyển yêu cầu thanh toán khi hồ sơ có phí
 |
|  | Cán bộ Bộ phận Tiếp nhận yêu cầu bổ sung hồ sơ |
|  | Sau khi hồ sơ trả về cần bổ sung thông tin hồ sơ. Người nộp thực hiện bổ sung các thông tin và gửi lại hồ sơ. |
|  | Cán bộ Bộ phận Tiếp nhận yêu cầu thanh toán hồ sơ |
|  | Sau khi hồ sơ trả về cần thanh toán. Người nộp thực hiện thanh toán hồ sơ . |
|  | Cán bộ Bộ phận Tiếp nhận (TN&TKQ) sẽ thực hiện tiếp nhận hồ sơ.  |
|  | Cán bộ Bộ phận Tiếp nhận tiến hành kiểm tra, xem xét, phân loại và chuyển tiếp hồ sơ cho Bộ phận xử lý. |
|  | Bộ phận xử lý thực hiện các thao tác cần thiết xử lý hồ sơ.* Nếu không hợp lệ thì yêu cầu bổ sung hồ sơ.
* Nếu hợp lệ thì chuyển lãnh đạo duyệt
 |
|  | Chuyên viên yêu cầu bổ sung hồ sơ |
|  | Lãnh đạo thực hiện phê duyệt hồ sơ và chuyển về cho Bộ phận xử lý. |
|  | Sau khi lãnh đạo duyệt hồ sơ, thì cán bộ chuyển kết quả xử lý về Bộ phận Tiếp nhận. |
|  | Cán bộ tiếp nhận thực hiện trả kết quả xử lý hồ sơ cho Công dân |
|  | Công dân nhận kết quả xử lý hồ sơ đã nộp |

* 1. **Quy trình trực tiếp tại bộ phận một cửa**

| **Bước** | **Diễn giải bước thực hiện** |
| --- | --- |
|  | Chuyên viên tiếp nhận hồ sơ do Công dân/ Doanh nghiệp nộp trực tiếp. |
|  | Chuyên viên yêu cầu Công dân/ Doanh nghiệp thanh toán hồ sơ |
|  | Công dân/ Doanh nghiệp thanh toán hồ sơ |
|  | Chuyên viên tiến hành xử lý hồ sơ nộp trực tiếp. |
|  | Chuyên viên thực hiện chuyển hồ sơ để lãnh đạo xét duyệt sau khi đã được xử lý. |
|  | Lãnh đạo tiến hành kiểm tra hồ sơ.* Nếu không hợp lệ thì thực hiện trả về cho chuyên viên để kiểm tra lại hồ sơ.
* Nếu hồ sơ hợp lệ thì người dùng tiến hành bước duyệt hồ sơ.
 |
|  | Người dùng tiến hành duyệt hồ sơ nộp trực tiếp. |
|  | Chuyên viên thực hiện chuyển kết quả hồ sơ đến bộ phận trả kết quả. |
|  | Sau khi nhận kết quả hồ sơ của, chuyên viên thực hiện trả kết quả cho người nộp và kết thúc. |
|  | Chuyên viên kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ.* Nếu không hợp lệ và cần người nộp bổ sung thông tin vào hồ sơ thì người dùng thực hiện trả hồ sơ để người nộp tiến hành thực hiện bổ sung các thông tin của hồ sơ.
* Nếu không hợp lệ thì người dùng thực hiện hoàn trả hồ sơ cho người nộp và kết thúc.
 |
|  | Công dân / Doanh nghiệp thực hiện bổ sung các thông tin hồ sơ cho cán bộ. |
|  | Chuyên viên kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ.* Nếu không hợp lệ và cần người nộp bổ sung thông tin vào hồ sơ thì người dùng thực hiện trả hồ sơ để người nộp tiến hành thực hiện bổ sung các thông tin của hồ sơ.
* Nếu không hợp lệ thì người dùng thực hiện hoàn trả hồ sơ cho người nộp và kết thúc.
* Nếu hồ sơ hợp lệ thì người dùng tiếp nhận hồ sơ.
 |

* 1. **Quy trình tiếp nhận qua bưu chính công ích**

| **Bước** | **Diễn giải bước thực hiện** |
| --- | --- |
|  | Người dùng thực hiện truy cập hệ thống, hệ thống điều hướng đến trang Cổng Dịch vụ công quốc gia, nhập thông tin đăng nhập. |
|  | Người dùng chọn thủ tục cần nộp hồ sơ trên màn hình giao diện. Hoàn tất để chuyển sang bước tiếp theo. |
|  | Người dùng nhập đầy đủ các thông tin của hồ sơ cần nộp. Hoàn tất thông tin để chuyển sang bước tiếp theo. Mở rộng, có thể trở về bước trước nếu muốn cập nhật thông tin người nộp/thủ tục. |
|  | Người dùng kiểm tra thông tin lệ phí của hồ sơ.Mở rộng, có thể trở về bước trước nếu muốn cập nhật thông tin người nộp/người nộp/ thủ tục. |
|  | Người dùng lựa chọn hình thức nhận/trả kết quả, thực hiện nộp hồ sơ.Mở rộng, có thể trở về bước trước nếu muốn cập nhật thông tin người nộp/người nộp/ thủ tục. |
| 1.
 | Người dùng kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ.* Nếu không hợp lệ và cần người nộp bổ sung thông tin vào hồ sơ thì người dùng thực hiện trả hồ sơ để người nộp tiến hành thực hiện bổ sung các thông tin của hồ sơ
* Nếu không hợp lệ thì người dùng thực hiện hoàn trả hồ sơ cho người nộp và kết thúc.
* Nếu hồ sơ hợp lệ thì người dùng Yêu cầu thanh toán hồ sơ.
 |
|  | Thực hiện gửi Yêu cầu thanh toán hồ sơ cho người dân thanh toán lệ phí. |
|  | Người dùng kiểm tra thông tin lệ phí và tiến hành thanh toán qua kênh thanh toán online. |
|  | Người dùng kiểm tra trạng thái, thông tin lệ phí thanh toán của hồ sơ.* Nếu không hợp lệ và cần người nộp bổ sung thông tin vào hồ sơ thì người dùng thực hiện trả hồ sơ để người nộp tiến hành thực hiện bổ sung các thông tin của hồ sơ.
* Nếu không hợp lệ thì người dùng thực hiện hoàn trả hồ sơ cho người nộp và kết thúc.
* Nếu Công dân/ Doanh nghiệp thanh toán phí thành công, hồ sơ có trạng thái Đã thanh toán thì người dùng thực hiện tiếp nhận hồ sơ.
 |
|  | Sau khi hồ sơ trả về cần bổ sung thông tin hồ sơ. Người nộp thực hiện bổ sung các thông tin theo yêu cầu và gửi lại hồ sơ. |
|  | Sau khi kiểm tra hồ sơ hợp lệ, người dùng thực hiện tiếp nhận hồ sơ. |
|  | Người dùng tiến hành xử lý hồ sơ nộp trực tuyến. |
|  | Người dùng thực hiện chuyển hồ sơ để lãnh đạo xét duyệt sau khi đã được xử lý. |
|  | Người dùng tiến hành kiểm tra hồ sơ.* Nếu không hợp lệ thì thực hiện trả về cho chuyên viên để kiểm tra lại hồ sơ.
* Nếu hồ sơ hợp lệ thì người dùng tiến hành bước duyệt hồ sơ.
 |
|  | Người dùng kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ.* Nếu không hợp lệ và cần người nộp bổ sung thông tin vào hồ sơ thì người dùng thực hiện trả hồ sơ để người nộp tiến hành thực hiện bổ sung các thông tin của hồ sơ.
* Nếu không hợp lệ thì người dùng thực hiện hoàn trả hồ sơ cho người nộp và kết thúc.
 |
|  | Người dùng tiến hành duyệt hồ sơ nộp trực tuyến. |
|  | Người dùng thực hiện chuyển kết quả duyệt hồ sơ. |
|  | Sau khi nhận kết quả duyệt hồ sơ của lãnh đạo, người dùng thực hiện trả kết quả cho người nộp và kết thúc. |

* 1. **Quy trình trực tuyến**

| **Bước** | **Diễn giải bước thực hiện** |
| --- | --- |
|  | Người dùng thực hiện truy cập hệ thống, hệ thống điều hướng đến trang Cổng Dịch vụ công quốc gia, nhập thông tin đăng nhập. |
|  | Người dùng chọn thủ tục cần nộp hồ sơ trên màn hình giao diện. Hoàn tất để chuyển sang bước tiếp theo. |
|  | Người dùng nhập đầy đủ các thông tin của hồ sơ cần nộp. Hoàn tất thông tin để chuyển sang bước tiếp theo. Mở rộng, có thể trở về bước trước nếu muốn cập nhật thông tin người nộp/thủ tục. |
|  | Người dùng kiểm tra thông tin lệ phí của hồ sơ (nếu có), thực hiện nộp hồ sơ.Mở rộng, có thể trở về bước trước nếu muốn cập nhật thông tin người nộp/người nộp/ thủ tục. |
|  | Người dùng kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ.* Nếu không hợp lệ và cần người nộp bổ sung thông tin vào hồ sơ thì người dùng thực hiện trả hồ sơ để người nộp tiến hành thực hiện bổ sung các thông tin của hồ sơ (thực hiện URD.09)
* Nếu không hợp lệ thì người dùng thực hiện hoàn trả hồ sơ cho người nộp và kết thúc.
* Nếu hồ sơ hợp lệ thì người dùng Yêu cầu thanh toán hồ sơ.
 |
| 1.
 | Chuyên viên thực hiện gửi Yêu cầu thanh toán hồ sơ cho người dân thanh toán lệ phí. |
|  | Người dùng kiểm tra thông tin lệ phí (nếu có) và tiến hành thanh toán qua kênh thanh toán online/chuyển khoản. |
|  | Người dùng kiểm tra trạng thái, thông tin lệ phí thanh toán của hồ sơ.* Nếu không hợp lệ và cần người nộp bổ sung thông tin vào hồ sơ thì người dùng thực hiện trả hồ sơ để người nộp tiến hành thực hiện bổ sung các thông tin của hồ sơ.
* Nếu không hợp lệ thì người dùng thực hiện hoàn trả hồ sơ cho người nộp và kết thúc.
* Nếu Công dân/ Doanh nghiệp thanh toán phí thành công, hồ sơ có trạng thái Đã thanh toán thì người dùng thực hiện tiếp nhận hồ sơ.
 |
| 1.
 | Sau khi hồ sơ trả về cần bổ sung thông tin hồ sơ. Người nộp thực hiện bổ sung các thông tin theo yêu cầu và gửi lại hồ sơ. |
| 1.
 | Sau khi kiểm tra hồ sơ hợp lệ, người dùng thực hiện tiếp nhận hồ sơ. |
|  | Người dùng tiến hành xử lý hồ sơ nộp trực tuyến. |
|  | Người dùng thực hiện chuyển hồ sơ để lãnh đạo xét duyệt sau khi đã được xử lý. |
|  | Người dùng tiến hành kiểm tra hồ sơ.* Nếu không hợp lệ thì thực hiện trả về cho chuyên viên để kiểm tra lại hồ sơ.
* Nếu hồ sơ hợp lệ thì người dùng tiến hành bước duyệt hồ sơ.
 |
|  | Người dùng kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ.* Nếu không hợp lệ và cần người nộp bổ sung thông tin vào hồ sơ thì người dùng thực hiện trả hồ sơ để người nộp tiến hành thực hiện bổ sung các thông tin của hồ sơ.
* Nếu không hợp lệ thì người dùng thực hiện hoàn trả hồ sơ cho người nộp và kết thúc.
 |
|  | Người dùng tiến hành duyệt hồ sơ nộp trực tuyến. |
|  | Người dùng thực hiện chuyển kết quả duyệt hồ sơ. |
|  | Sau khi nhận kết quả duyệt hồ sơ của lãnh đạo, người dùng thực hiện trả kết quả cho người nộp và kết thúc. |

* 1. **Các đối tượng tham gia**
* Lãnh đạo, chuyên viên, cán bộ một cửa Bộ Xây dựng, các Sở Xây dựng địa phương, cán bộ tại các phường/ xã/ đặc khu.
* Người dân, doanh nghiệp.
* Cán bộ quản trị, vận hành hệ thống.
	1. **Yêu cầu chức năng hệ thống/ phần mềm**
* Hệ thống đáp ứng đầy đủ các tính năng, chức năng theo quy định tại Thông tư số 11/2025/TT-BKHCN ngày 30/6/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về chức năng, tính năng kỹ thuật của hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh.
* Hệ thống đáp ứng yêu cầu thiết lập quy trình xử lý thủ tục hành chính cho từng địa phương, đơn vị thuộc Bộ; có khả năng kết nối với các phần mềm nghiệp vụ giải quyết thủ tục hành chính, cơ sở dữ liệu chuyên ngành hiện có của các địa phương và Bộ Xây dựng.
* Ngoài ra hệ thống cần đáp ứng các tiêu chí kỹ thuật đối với nền tảng số quốc gia và nền tảng số dùng chung ngành, lĩnh vực tại Quyết định số 2618/QĐ-BKHCN ngày 11/9/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ.
	1. **Các yêu cầu phi chức năng**

Đơn vị thử nghiệm phải cam kết đảm bảo các yêu cầu phi chức năng sau:

* + 1. **Yêu cầu cần đáp ứng đối với cơ sở dữ liệu**
* Mô hình cơ sở dữ liệu hướng tập trung, đảm bảo đầy đủ các thông tin cơ bản, cần lưu trữ về tất cả các đối tượng tham gia trong hệ thống phần mềm thử nghiệm; phù hợp với yêu cầu nghiệp vụ của các cán bộ khai thác;
* Có cơ chế đảm bảo an toàn, an ninh cho dữ liệu và hệ quản trị cơ sở dữ liệu;
* Có cơ chế tự động sao lưu dữ liệu theo lịch trình đặt sẵn hoặc tùy chọn; có khả năng phục hồi cơ sở dữ liệu từ dữ liệu đã được sao lưu;
	+ 1. **Yêu cầu về bảo mật, an toàn dữ liệu**

Hệ thống phải có cơ chế đảm bảo an toàn, bảo mật được xây dựng trên cơ sở thực hiện nhiều lớp bảo vệ:

* Lớp bảo vệ người dùng;
* Lớp bảo vệ mạng;
* Lớp bảo vệ Server và Hệ điều hành;
* Lớp bảo vệ ứng dụng;
* Kiểm soát lỗ hổng qua phương thức phân tích, phân loại lỗi. Các dạng lỗi bảo mật phổ biến đối với ứng dụng bao gồm: buffer overflow, SQL injection, XSS, virus,… Ngoài các cơ chế bảo vệ chủ động từ đầu nhằm chống lại các dạng lỗi bảo mật phổ biến đối với ứng dụng nêu trên, hệ thống phần mềm được kết hợp với hệ điều hành để ghi nhận các vết trong quá trình vận hành hệ thống nhằm phân tích, phân loại và xác định lỗi.
* Hệ thống phần mềm cần được thiết kế đảm bảo tính bảo mật về thông tin ngăn chặn các truy cập dữ liệu bất hợp pháp.
	+ 1. **Yêu cầu về cài đặt, hạ tầng, đường truyền, an toàn vận hành, khai thác, sử dụng**
* Đảm bảo khả năng quản trị tập trung, thuận tiện và hỗ trợ tốt cho công tác quản lý, điều hành, giám sát trong phạm vi thử nghiệm.
* Vận hành đơn giản: Việc điều hành đảm bảo đơn giản, gọn nhẹ, đảm bảo hiệu quả làm việc của toàn bộ hệ thống mạng.
* Đường truyền: Cần lựa chọn loại đường truyền phù hợp, băng thông đáp ứng yêu cầu ứng dụng, ổn định, chi phí hợp lý.
	+ 1. **Yêu cầu về tính sẵn sàng với IPv6**

Phần mềm được xây dựng đáp ứng các yêu cầu về tính sẵn sàng với IPv6, cụ thể:

* Hệ thống phần mềm có thể cài đặt và hoạt động được bình thường trên môi trường hạ tầng mạng sử dụng IPv6;
* Hỗ trợ truy cập hệ thống phần mềm sử dụng qua domain name hoặc địa chỉ IP;
* Các trang thiết bị phần cứng, máy chủ được cung cấp phục vụ cài đặt triển khai hệ thống đảm bảo tương thích với IPv4 và IPv6.
	+ 1. **Yêu cầu về hiệu năng**

Hệ thống cần được thiết kế đảm bảo hiệu năng cho tối thiểu 30 nghìn cán bộ giải quyết thủ tục hành chính sử dụng, trong đó 10 nghìn cán bộ sử dụng cùng lúc; khả năng tiếp nhận, xử lý cho 50 nghìn hồ sơ/ngày.

* 1. **Yêu cầu phương án đảm bảo an toàn thông tin**

Đơn vị thử nghiệm có phương án đề xuất đảm bảo an toàn thông tin đối với hệ thống thông tin cần đáp ứng được các yêu cầu theo quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin cấp độ 3 theo Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 và đảm bảo ATTT phục vụ triển khai Đề án 06 theo Công văn số 708/BTTTT-CATTT Ngày 02 tháng 03 năm 2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

* 1. **Yêu cầu về hạ tầng, thiết bị**

Đơn vị thử nghiệm trình bày, thuyết minh phương án tính toán hạ tầng cần thiết để phục vụ triển khai thử nghiệm và đảm bảo hạ tầng vận hành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực xây dựng, giao thông vận tải thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp xã, phường theo mô hình tập trung trong thời gian thử nghiệm, có khả năng mở rộng theo nhu cầu sử dụng nhanh chóng; chỉ cần điều chỉnh, bổ sung cơ sở hạ tầng vật lý là có thể nâng cao năng lực vận hành của Hệ thống.